

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 2 Năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2011	Quý 2 Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	127,879,030,653	98,911,930,115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.18	445,433,559	786,991,936
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		127,433,597,094	98,124,938,179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	106,748,235,756	77,619,654,832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20,685,361,338	20,505,283,347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	13,115,158	13,860,796
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	11,559,510,903	3,803,090,365
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,464,576,160	3,012,447,043
8. Chi phí bán hàng	24		5,998,348,010	3,988,495,454
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,271,397,762	3,101,786,934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(2,130,780,179)	9,625,771,390
11. Thu nhập khác	31		43,996,376	148,772,248
12. Chi phí khác	32		69,875,265	50,959,875
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(25,878,889)	97,812,373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2,156,659,068)	9,723,583,763
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	609,627,441
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2,156,659,068)	9,113,956,322
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VII	(173)	911

Người lập biểu

Trương Hồng Luân

Ngày 24 Tháng 08 Năm 2011
 Giám đốc

 TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lê Hải